TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 318/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Đoàn Chí N**, sinh năm 1992; CCCD số: 046092003718 cấp ngày 09/8/2021. HKTT: Thôn P, xã P, TP. Đà Nẵng. Chỗ ở: đường N, Phường H, TP. Đà Nẵng.

- Bà **Hồ Hoàng N1**, sinh năm 2000; CCCD số: 052300001837 cấp ngày: 11/3/2023. HKTT: Tân Thuận, xã T, Tỉnh Gia Lai. Chỗ ở: Lô C - 120 Khu đô thị F, Tổ 165 (HH), Phường N, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 02 tháng 6 năm 2026, người yêu cầu là ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 tự nguyện kết hôn vào 2023 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, TP. Huế) (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, do UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 20/3/2023). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 03/2025 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách ứng xử dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặc dù ông bà đã cố gắng tìm biện pháp khắc phục nhưng không tìm ra tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 đều xác định không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về tài nợ chung: Ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0005547 ngày 26/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, do UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, TP. Huế) cấp ngày 20/3/2023 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đoàn Chí N và bà Hồ Hoàng N1 mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0005547 ngày 26/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND xã P, TP. Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thế Tài

TAND KHU VỰC 2
1YG100626.TL.QDBA
1398